TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thuận
Ông Hoàng Anh Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Văn Đoan - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc "Xin ly hôn, nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 73/2018/QĐXXST-HN ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1983 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp AV, xã ĐPHội, huyện MCN, tỉnh BT.
- *Bị đơn:* Ông Dương Quốc Tr – sinh năm 1982 (vắng mặt).
Cư trú tại: H, 112-54, đường số 1499 S, J, G, G, Korea.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Tr kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 28/7/2006). Từ khi kết hôn ông bà cùng sinh sống tại ấp Tân Tiến, xã Tân Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến năm 2010 ông Tr đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc đến nay. Do thời gian ông chuyện đi lao động quá dài không chăm sóc vợ con dẫn đến tình trạng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được. Vì vậy, Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Tú Quyên sinh ngày 20 tháng 9 năm 2007. Sau khi ly hôn Bà H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Theo đơn yêu cầu ông Dương Quốc Tr trình bày:

Về hôn nhân: Ông và Bà H bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu Bà H. Do ông đi làm ở Hàn Quốc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất lời trình bày Bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về phía đương sự, Bà H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H, cho Bà H được ly hôn với ông Tr. Chi phí tố tụng và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Dương Quốc Tr được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn, nuôi con. Ông Tr hiện nay đang sinh sống tại Hwaseongdanjo, 112-54, đường số 1499 Seobu–ro, Juchonyeon, Gimhae-si, Gyeongangnam-do, Korea, nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông Tr đang sinh sống tại Hàn Quốc và ông Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên việc xét xử vắng mặt ông Tr được thực hiện theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đối với Bà H có đơn yêu cầu không phải hòa giải. Xét các bên đều yêu cầu không hòa giải, nên việc mở phiên tòa xét xử vụ án nêu trên đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông Tr, thấy rằng: Bà H với ông Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận. Ông bà kết hôn nhau năm 2006 cùng sinh sống hạnh phúc đến năm 2010 ông Tr đi lao động ở Hàn Quốc cho đến nay. Do thời gian ông Tr đi lao động dài hạn, quá lâu không về nước, không có điều kiện chăm sóc vợ con, bất đồng quan điểm và mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, Bà H xin ly hôn ông Tr đồng ý. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông và bà không còn, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cho Bà H được ly hôn với ông Tr là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà H, ông Tr xác định có 01 người con chung tên Dương Tú Quyên sinh ngày 20 tháng 9 năm 2007 và hiện cháu Quyên đang sống với Bà H. Bà H yêu cầu được nuôi con ông Tr thống nhất giao cho Bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của Bà H giao cháu Quyên cho Bà H nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Dương Tú Quyên là con chung của Bà H, ông Tr, nên ông và bà phải cùng có trách nhiệm nuôi con. Ông Tr không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con của Bà H thấy rằng: Tại phiên tòa, Bà H trình bày ông Tr đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc có mức thu nhập cao, trước khi bà khởi kiện xin ly hôn thì mỗi tháng ông Tr gửi tiền về nuôi con chung từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nên cần chấp nhận yêu cầu của Bà H, ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu Dương Tú Quyên tròn 18 tuổi. Ông Tr không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, Bà H, ông Tr xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm Bà H phải chịu theo quy định pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con ông Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 82, 107, 110, 116, 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho Bà H được ly hôn với ông Dương Quốc Tr.

Về con chung: Chấp nhận giao cháu Dương Tú Quyên sinh ngày 20 tháng 9 năm 2007 cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Quyên 3.000.000đ/tháng, kể từ khi án có hiệu lực đến khi cháu tròn 18 tuổi. Ông Dương Quốc Tr không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tr không thi hành xong còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 13/11/2018 Bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 00177 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Ông Tr phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Điền, huyện TVT, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Văn Út